

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Yêu cầu Báo giá
Gói thầu: Dịch vụ lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái
tại Tòa nhà văn phòng Tổng Công ty

TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Căn cứ Quyết định số 2872/QĐ – UBND ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH Một thành viên;

Căn cứ Quyết định số 102/QĐ-HĐTV ngày 19 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH Một thành viên về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH Một thành viên;

Căn cứ Quyết định số 95/QĐ-HĐTV ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH Một thành viên về việc ban hành Quy chế về lựa chọn nhà thầu đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên sử dụng nguồn vốn sản xuất, kinh doanh của Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH Một thành viên;

Căn cứ Quyết định số 188/QĐ-CNS ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH Một thành viên về việc phân công công tác Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH Một thành viên;

Căn cứ Giấy ủy quyền số 124/UQ-CNS ngày 03 tháng 3 năm 2026 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH Một thành viên;

Căn cứ Quyết định số 557/QĐ-CNS ngày 06 tháng 8 năm 2026 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH Một thành viên về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán Gói thầu “Dịch vụ lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái tại Tòa nhà văn phòng Tổng Công ty”;

Thực hiện Điều 2 theo Quyết định số 557/QĐ-CNS ngày 06 tháng 8 năm 2026 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty, về việc phân công Phó Tổng Giám đốc Lê Tấn Dương trực tiếp chỉ đạo, phê duyệt toàn bộ hồ sơ liên quan theo Quy chế lựa chọn nhà thầu bao gồm: Phiếu trình, Tờ trình, Quyết định phê duyệt yêu cầu báo giá, Quyết định kết quả lựa chọn nhà thầu, ký kết hợp đồng, công tác nghiệm thu và thanh quyết toán hợp đồng theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã

được phê duyệt đối với Gói thầu “mua sắm dịch vụ lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái tại Tòa nhà văn phòng Tổng Công ty”;

Theo đề nghị của Phòng KTAT tại Tờ trình số 597/TTr-KTAT ngày 14 tháng 8 năm 2026 về việc phê duyệt Yêu cầu Báo giá Gói thầu “Dịch vụ lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái tại Tòa nhà văn phòng Tổng Công ty”.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Yêu cầu báo giá Gói thầu “Dịch vụ lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái tại Tòa nhà văn phòng Tổng Công ty” như hồ sơ đính kèm.

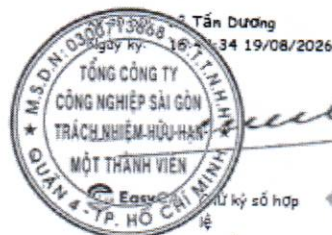
Điều 2. Phòng Kỹ thuật - An toàn lao động, các Phòng, Ban có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. *Lê Tấn Dương*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- CT.HĐTV (để báo cáo);
- TGĐ (để báo cáo);
- BAKS, KTNB (để biết);
- Lưu: VPCQ, KTAT.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Lê Tấn Dương

BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ

**Tên Gói thầu: Mua sắm dịch vụ lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái
tại Tòa nhà văn phòng Tổng Công ty**

Gói thầu số: 01

Dự toán mua sắm: 326.189.949 đồng.

Phát hành ngày: 22/8/2026.

Ban hành kèm theo Quyết định số: 586/QĐ-CNS ngày 21 tháng 8 năm 2026.

PHÒNG KỸ THUẬT – AN TOÀN LAO ĐỘNG TỔNG CÔNG TY

KT. GIÁM ĐỐC KTAT

PHÓ PHÒNG KTAT



Lê Trí Bảo

Chương I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. Tên chủ đầu tư là: Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH Một thành viên
2. Tên đơn vị mua sắm là: Phòng Kỹ thuật – An toàn lao động
3. Đơn vị mua sắm mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh rút gọn (nộp báo giá) Gói thầu “Dịch vụ lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái tại Tòa nhà văn phòng Tổng Công ty”. Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương II của bản yêu cầu báo giá này.
4. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có ngành nghề phù hợp với lĩnh vực dự thầu, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp và các giấy phép để thực hiện gói thầu (nếu có);
2. Hạch toán tài chính độc lập;
3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
5. Hồ sơ năng lực.

Mục 3. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 03a, Mẫu số 03a(1) Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm Đơn vị mua sắm nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc.

Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 4. Thành phần báo giá

Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III.
2. Biểu giá theo Mẫu số 03a, Mẫu số 03a(1) Chương III.
3. Bản vẽ thiết kế thi công hệ thống.

Mục 5. Thời hạn hiệu lực của báo giá

Thời gian có hiệu lực của báo giá là 30 ngày làm việc, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

Mục 6. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá

1. Nhà thầu phải nộp báo giá trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tiếp về địa chỉ:

Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH Một thành viên

Địa chỉ: 58-60 Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu, TP.HCM

Người nhận: Ông Lê Văn Quân – Phòng Kỹ thuật – An toàn lao động Tổng Công ty.

Thời gian nộp hồ sơ không muộn hơn **14 ngày làm việc** kể từ ngày phát hành yêu cầu báo giá. Các báo giá được gửi đến Đơn vị mua sắm sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

2. Đơn vị mua sắm chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng nhà thầu. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp báo giá, Đơn vị mua sắm lập văn bản tiếp nhận các báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của báo giá và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà thầu đã nộp báo giá.

3. Đơn vị mua sắm so sánh các báo giá theo bản yêu cầu báo giá. Trong quá trình đánh giá các báo giá, Đơn vị mua sắm có thể mời nhà thầu có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

Mục 7. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá;
2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt dự toán gói thầu được duyệt.

Mục 8. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH Một thành viên (<https://www.cns.com.vn>).

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu có nhà thầu

không trúng thầu gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 05 ngày làm việc nhưng trước ngày ký kết hợp đồng, Đơn vị mua sắm sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng: Không yêu cầu.

Mục 10. Giải quyết kiến nghị

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng.

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA GÓI THẦU

1. Đối với gói thầu mua sắm dịch vụ

Bảng số 1. Yêu cầu cung cấp dịch vụ

Nhà thầu phải cung cấp dịch vụ theo đúng nội dung nêu tại bảng sau trong vòng 60 ngày (không bao gồm thời gian nghỉ lễ, tết) kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Stt	Tên hàng hóa/dịch vụ		Đặc tính kỹ thuật/dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Bảo hành	Ghi chú
I	Hàng hóa						
1	Tấm Pin mặt trời	Công suất danh định ≥ 630 Wp/tấm.	Kích thước 2382x1134x30mm	Tấm	45	Bảo hành vật lý 12 năm.	Tất cả hàng hóa/dịch vụ cung cấp lắp đặt tại Tòa nhà văn phòng Tổng Công ty, địa chỉ 58-60 Nguyễn Tất Thành phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh. Nhà thầu có trách nhiệm kiểm tra, xử lý đối với hàng hóa/dịch vụ không đạt yêu cầu qua kiểm tra
		Nhãn hiệu/xuất xứ	Jinko/Trung Quốc				
2	Biến tần hòa lưới	Công suất AC: 30 kW, 3 pha.	Hòa lưới điện 03 pha 380V, 50 Hz. Cấp bảo vệ IP66. Tích hợp SPD phía AC và DC, bảo vệ quá áp, quá dòng. Tích hợp Wi-Fi hoặc Ethernet để giám sát sản lượng qua máy tính và điện thoại.	Cái	01	05 năm	
		Nhãn hiệu/xuất xứ	Huawei/Trung Quốc				
3	Vật tư cơ khí	Khung đỡ tấm pin	Khung thép mạ kẽm (40x80x1.4mm) lắp trên mái bê tông, chiều cao lắp đặt 1,2m. Sika chống thấm, phụ kiện thi công.	Trọn gói	01		
4	Vật tư điện	Cáp điện AC	Quy cách cáp CVV 3cx10 + 1cx6mm ² (hoặc tương đương theo	Trọn gói	01		

Stt	Tên hàng hóa/dịch vụ		Đặc tính kỹ thuật/dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Bảo hành	Ghi chú
			tính toán tải thực tế).				thử nghiệm. Chào giá bằng VNĐ
		Cáp tiếp địa	Quy cách cáp CV4mm ² (TE)	Trọn gói	01		
		Cáp điện DC	Điện áp DC: 1,5kV. Dòng điện định mức: 20 - 30A. Chịu nhiệt từ: 90 - 120°C.	Trọn gói	01		
		Tủ điện: Bao gồm thiết bị đóng cắt, đèn báo pha,...	Vỏ tủ điện trời sơn tĩnh điện	Trọn gói	01		
		Máng cáp	Sơn tĩnh điện, có nắp đậy	Trọn gói	01		
		Thiết bị bám tải gồm: Smart meter, biến dòng đo lường, cáp tín hiệu RS485...	Tương thích với biến tần hòa lưới	Trọn gói	01		
II	Dịch vụ liên quan						
1	Chi phí vận chuyển & lắp đặt	Vận chuyển, lắp đặt, hướng dẫn vận hành	Đảm bảo an toàn lắp đặt trên cao, tuân thủ quy định an toàn.	Trọn gói	01	Lắp đặt hệ thống là 01 năm	
2	Chi phí hồ sơ xin phép lắp đặt	Hồ sơ xin phép	Thực hiện đầy đủ hồ sơ thông báo, đăng ký hoặc thủ tục đấu nối theo quy định hiện hành và hướng dẫn của đơn vị điện lực	Trọn gói	01		

Chương III. BIỂU MẪU**Mẫu số 01****ĐƠN CHÀO HÀNG**Ngày: _____ *[Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]*Tên gói thầu: _____ *[Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]*Tên dự án: _____ *[Ghi tên dự án]*Kính gửi: *[Điền tên đầy đủ của Đơn vị mua sắm]*

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số _____ *[Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)]* mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ *[Ghi tên nhà thầu]*, cam kết thực hiện gói thầu _____ *[Ghi tên gói thầu]* theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là _____ *[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]* cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ *[Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu]*.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày _____ *[Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu]*.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

STT	Nội dung	Giá chào
1	Hàng hóa	(M)
2	Dịch vụ có liên quan	(I)
Tổng cộng giá chào (kết chuyển theo đơn chào hàng)		(M) + (I)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA/DỊCH VỤ

1	2	3	4	5	6	7
STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá	Thành tiền (Cột 4x6)
I	Hàng hóa					
1	Tấm Pin mặt trời	Tấm	45			
2	Biển tần hòa lưới	Cái	01			
3	Vật tư cơ khí (khung đỡ tấm pin)	Trọn gói	01			
4	Vật tư điện gồm:	Trọn gói	01			
	Cáp điện AC					
	Cáp tiếp địa					
	Cáp điện DC					
	Tủ điện: Bao gồm thiết bị đóng cắt, đèn báo pha,...					
	Máng cáp sơn tĩnh điện, có nắp					
	Thiết bị bám tải: Smart meter, biến dòng đo lường, cáp tín hiệu RS485,...					
II	Dịch vụ có liên quan					
1	Chi phí vận chuyển & lắp đặt	Trọn gói	01			
2	Chi phí hồ sơ xin phép lắp đặt	Trọn gói	01			
Tổng công giá chào hàng của hàng hóa bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) (Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)						

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4) Đơn vị mua sắm ghi phù hợp với Danh mục hàng hóa quy định tại Chương II – Phạm vi, yêu cầu của gói thầu.

Các cột (5), (6) do nhà thầu chào.

Đơn giá tại cột (5) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp dịch vụ theo yêu cầu của Đơn vị mua sắm, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có).

Sau khi thỏa thuận, hai bên cùng đồng ý ký kết Hợp đồng “Dịch vụ lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái tại Tòa nhà văn phòng Tổng Công ty”, (sau đây gọi là “Hợp đồng”) với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG – ĐƠN GIÁ – GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

Bên B đồng ý cung cấp và Bên A đồng ý sử dụng dịch vụ với các nội dung cụ thể như sau:

1. Nội dung - Phạm vi cung cấp: Dịch vụ lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái tại Tòa nhà văn phòng Tổng Công ty:

Stt	Tên hàng hóa/dịch vụ	Nhãn hiệu, xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
I	Tên hàng hóa					
II	Dịch vụ					
Tổng cộng						
Thuế GTGT 8%						
Tổng cộng bao gồm thuế GTGT						

2. Tổng giá trị Hợp đồng: ...đồng (bằng chữ:...), Đã bao gồm thuế, phí, chi phí có liên quan.

Thuế GTGT sẽ tự động được điều chỉnh theo quy định của pháp luật tại thời điểm xuất hóa đơn nếu có bất kỳ sự thay đổi nào của pháp luật.

3. Chất lượng/Yêu cầu đối với dịch vụ:

- Lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái, đúng theo bản vẽ thiết kế thi công và số lượng, chủng loại theo khoản 1 Điều này;

4. Hình thức cung cấp dịch vụ: Bên B cử nhân sự đến Bên A để trực tiếp thực hiện công việc lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái tại Tòa nhà văn phòng Tổng Công ty.

ĐIỀU 2. THỜI GIAN – ĐỊA ĐIỂM - CÁCH THỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ

1. Thời gian cung cấp dịch vụ:

Tổng thời gian thực hiện Hợp đồng là 60 sáu mươi) ngày làm việc (không bao gồm ngày nghỉ lễ, Tết) kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.

2. Địa điểm giao hàng và thực hiện công việc lắp đặt: Số 58-60 Nguyễn Tất Thành, phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Cách thức cung cấp dịch vụ:

a) Trước khi cung cấp dịch vụ lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái, Bên B cần thông báo trước cho Bên A trong thời hạn 03 (ba) ngày, để thuận lợi cho Bên A trong việc sắp xếp nhân sự giám sát và tránh ảnh hưởng đến công việc cho Bên A ;

b) Các bên cử nhân sự đại diện để liên hệ, trao đổi, cung cấp thông tin cần thiết trong suốt quá trình Bên B cung cấp dịch vụ (kể cả thời gian bảo hành);

c) Sau khi Bên B hoàn thành dịch vụ, các Bên tiến hành kiểm tra và lập Biên bản nghiệm thu. Nếu nghiệm thu không đạt thì Bên B phải sửa chữa, khắc phục trong vòng 03 (ba) ngày để hoàn thành. Sau khi khắc phục, nghiệm thu đạt thì hai Bên ký Biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.

ĐIỀU 3. THANH TOÁN

Thời hạn thanh toán: Bên A thanh toán cho Bên B theo 02 đợt.

+ Đợt 1: Thanh toán 50% tổng giá trị Hợp đồng trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được hồ sơ thanh toán bao gồm:

- a) Giấy đề nghị thanh toán chuyển khoản ghi đầy đủ thông tin tài khoản;
- b) Bên B xuất hóa đơn GTGT ngay sau khi nhận được tiền thanh toán của Bên A.

+ Đợt 2: Sau khi Bên B hoàn tất việc cung cấp vật tư, lắp đặt lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái được nghiệm thu bàn giao và đưa vào sử dụng, Bên A sẽ thanh toán 50% tổng giá trị còn lại trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc. Hồ sơ thanh toán.

- a) Giấy đề nghị thanh toán chuyển khoản ghi đầy đủ thông tin tài khoản;
- b) Hóa đơn giá trị gia tăng hợp lệ;
- c) Biên bản nghiệm thu hoàn thành dịch vụ lắp đặt có xác nhận giữa hai Bên.
- d) Giấy chứng nhận xuất xứ CO, giấy chứng nhận chất lượng CQ (đối với hàng hóa nhập khẩu)

ĐIỀU 4. CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA VÀ BẢO HÀNH

1. Chất lượng hàng hóa:

- a) Hàng hóa được Bên B cung cấp phải đúng theo quy định tại Điều 1 của Hợp đồng này.
- b) Hàng hóa mới 100% có chứng nhận xuất xứ hàng hóa (đối với hàng nhập khẩu)

2. Thời gian bảo hành:

- a) 12 (mười hai) tháng (đối với việc thi công lắp đặt hệ thống) kể từ ngày hai Bên ký Biên bản nghiệm thu.
- b) 05 (năm) năm đối với thiết bị biến tần.
- c) 12 (mười hai) năm đối với tấm pin mặt trời.
- d) Bên B không bảo hành đối với trường hợp thiết bị hư hỏng do lỗi của Bên A gây ra hoặc do thiên tai, va đập.

đ) Trong thời gian bảo hành: Nếu Bên A phát hiện hàng hóa, thiết bị mà Bên B cung cấp theo Hợp đồng này có hư hỏng thì Bên A có quyền yêu cầu Bên B sửa chữa,

thay mà không phải trả tiền. Bên B phải có mặt xử lý sự cố trong vòng 24 (hai mươi bốn) giờ khi nhận được thông báo của Bên A;

ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

1. Quyền của Bên A

- a) Yêu cầu Bên B cung cấp hàng hóa/dịch vụ theo đúng nội dung thỏa thuận tại Điều 1 Hợp đồng này, đảm bảo thực hiện đúng thời gian theo Điều 2 của Hợp đồng;
- b) Yêu cầu Bên B giao đầy đủ các loại giấy tờ liên quan đến dịch vụ tại Hợp đồng này cho Bên A;
- d) Được tiến hành kiểm tra vật tư, thiết bị trước khi thực hiện dịch vụ lắp đặt. Từ chối nhận hàng hóa nếu hàng hóa không phù hợp theo Điều 1 của Hợp đồng
- đ) Yêu cầu Bên B thực hiện dịch vụ lắp đặt đúng chất lượng, số lượng, thời hạn địa điểm và thỏa thuận khác (nếu có);
- e) Yêu cầu Bên B thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo thỏa thuận quy định tại Điều 5 của Hợp đồng;
- f) Được quyền yêu cầu Bên B thay đổi nhân sự thực hiện dịch vụ lắp đặt nếu trong quá trình thực hiện Hợp đồng Bên A nhận thấy có sự không phù hợp hoặc có thể làm ảnh hưởng đến chất lượng, thời gian thực hiện dịch vụ/công việc;
- g) Yêu cầu Bên B bảo hành theo Điều 4 của Hợp đồng;
- h) Được hưởng khoản tiền phạt theo quy định tại Điều 7 của Hợp đồng do Bên B vi phạm nghĩa vụ thỏa thuận tại Hợp đồng.
- i) Yêu cầu Bên B bồi thường thiệt hại theo quy định pháp luật.

2. Nghĩa vụ của Bên A

- a) Hướng dẫn nhân sự Bên B các nội quy, quy định của Bên A về an ninh trật tự, an toàn PCCC, vệ sinh môi trường, an toàn lao động tại nơi thực hiện dịch vụ lắp đặt theo Hợp đồng;
- b) Thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn cho Bên B theo Điều 3 của Hợp đồng;
- c) Tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B trong quá trình thực hiện dịch vụ lắp đặt theo Hợp đồng;
- d) Thực hiện đúng các cam kết được ghi trong Hợp đồng;
- đ) Bồi thường thiệt hại cho Bên B theo quy định pháp luật.

ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

1. Quyền của Bên B:

- a) Yêu cầu Bên A thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn cho Bên B theo Điều 3 của Hợp đồng;
- b) Yêu cầu Bên A có trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định pháp luật;
- d) Yêu cầu Bên A chịu phạt theo quy định tại Điều 7 của Hợp đồng do Bên A vi phạm nghĩa vụ thỏa thuận Hợp đồng;
- đ) Bên B nhận tiền dịch vụ lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái tại Tòa nhà văn phòng Tổng Công ty cho toàn bộ giá trị Hợp đồng.

2. Nghĩa vụ của Bên B

- a) Xuất hóa đơn thuế GTGT hợp lệ cho Bên A khi cung ứng dịch vụ;
- b) Giao đầy đủ hồ sơ thanh toán cho Bên A, trường hợp hồ sơ thiếu sót thì Bên B có trách nhiệm khắc phục, bổ sung trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc;
- c) Cung cấp đầy đủ hồ sơ liên quan liên quan đến dịch vụ theo Hợp đồng cho Bên A;
- d) Chịu phạt vi phạm theo Điều 7 của Hợp đồng;
- đ) Bảo hành và hướng dẫn sử dụng theo Điều 4 của Hợp đồng;
- e) Bồi thường thiệt hại cho Bên A theo quy định của pháp luật;
- g) Thông báo email cho Bên A danh sách kỹ thuật viên của Bên B vào lắp đặt trước khi thực hiện dịch vụ theo Hợp đồng;
- h) Bên B cử nhân sự đảm bảo về năng lực, trình độ, kinh nghiệm để thực hiện lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái cho Bên A và nghiệm thu bàn giao;
- i) Bên B có trách nhiệm trang bị bảo hộ lao động cho nhân viên, chỉ trách nhiệm về an toàn lao động cho nhân viên khi thực hiện công việc sửa chữa, thay thế và chỉnh sửa phần mềm điều khiển cho cảm biến định lượng hương liệu (thiết bị đo lưu lượng), chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho người và tài sản khi xảy ra tai nạn lao động;
- k) Nhân sự Bên B phải chấp hành các nội quy, quy định tại nơi thực hiện công việc về an ninh trật tự, an toàn PCCC, an toàn lao động, vệ sinh môi trường;
- l) Bên B chịu trách nhiệm bồi thường những hư hỏng thiết bị (nếu có) do kỹ thuật viên Bên A gây ra;
- m) Cam kết vật tư, phụ tùng cung cấp cho Bên A là vật tư, phụ tùng hợp pháp của Bên B.

ĐIỀU 7. BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI - PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG

1. Khi một bên thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này mà gây thiệt hại (bao gồm cả thiệt hại trực tiếp và thiệt hại gián tiếp) cho bên kia thì bên gây thiệt hại phải chịu trách nhiệm bồi thường.
2. Trường hợp Bên A thanh toán không đúng hạn như quy định tại Điều 3 của Hợp đồng này, Bên A sẽ bị phạt với mức phạt theo lãi suất quá hạn do Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam công bố tại thời điểm vi phạm tính trên số tiền và số ngày chậm thanh toán nhưng tổng mức phạt không quá 8% giá trị chậm thanh toán.
3. Trường hợp Bên B thực hiện dịch vụ/công việc trễ so với thời hạn quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này, Bên B sẽ bị phạt với mức phạt theo lãi suất quá hạn do Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam công bố tại thời điểm vi phạm tính trên giá trị dịch vụ/công việc chậm thực hiện và số ngày trễ hạn nhưng tổng mức phạt không quá 8% giá trị dịch vụ/công việc chậm thực hiện.
4. Phạt vi phạm 8% tổng giá trị hợp đồng áp dụng cho các trường hợp sau:
 - a) Khi một bên thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng;

b) Khi một bên tự ý chấm dứt Hợp đồng đã có hiệu lực mà không thuộc trường hợp được loại trừ trách nhiệm quy định tại Điều 8 của Hợp đồng này hoặc việc chấm dứt Hợp đồng không phải do lỗi của bên kia.

ĐIỀU 8. LOẠI TRỪ TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN

1. Sự kiện bất khả kháng là các sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được, mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết mà khả năng cho phép như:

a) Các sự kiện tự nhiên như: thiên tai, hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, sóng thần, dịch bệnh;

b) Các sự kiện xã hội như: cấm vận, chiến tranh, đình công, bạo loạn, phá hoại, bao vây, phong tỏa, bất cứ hành động chiến tranh nào hoặc hành động thù địch cộng đồng cho dù chiến tranh có được công bố hay không.

2. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, Bên vi phạm nghĩa vụ do sự kiện bất khả kháng phải nhanh chóng thông báo cho bên kia bằng văn bản hoặc thư điện tử về việc không thực hiện được nghĩa vụ của mình cho Bên bị vi phạm trong thời gian 24 (hai mươi bốn) giờ. Thông báo phải nêu rõ cụ thể chi tiết cùng các tài liệu chứng minh về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện;

3. Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng chỉ được miễn trách nhiệm kể từ thời điểm xảy ra sự kiện bất khả kháng nếu gửi thông báo kịp thời trong thời gian quy định nêu trên. Nếu không gửi thông báo kịp thời trong thời gian nêu trên thì Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng chỉ được miễn trách nhiệm kể từ thời điểm Bên còn lại nhận được thông báo về sự kiện bất khả kháng của Bên bị ảnh hưởng;

4. Trong thời gian không thể thực hiện Hợp đồng do sự kiện bất khả kháng thì Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng vẫn tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ Hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng.

5. Bên vi phạm nghĩa vụ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt Hợp đồng theo quy định hiện hành của pháp luật khi cung cấp được chứng cứ chứng minh về sự kiện như: Văn bản xác nhận về sự kiện bất khả kháng được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc các tài liệu khác (nếu có)...

ĐIỀU 9. SỬA ĐỔI HỢP ĐỒNG - TẠM NGỪNG THỰC HIỆN - CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

1. Việc sửa đổi, bổ sung Hợp đồng;

Bất kỳ sửa đổi hoặc bổ sung nào đối với Hợp đồng sẽ chỉ có hiệu lực khi được sự thống nhất của các bên và thể hiện bằng văn bản.

2. Tạm ngừng thực hiện Hợp đồng:

Một trong các bên được tạm ngừng thực hiện Hợp đồng khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Khi xảy ra hành vi vi phạm mà các bên đã thoả thuận là điều kiện để tạm ngừng thực hiện Hợp đồng;

b) Khi một bên vi phạm nghĩa vụ cơ bản của Hợp đồng như: Chất lượng dịch vụ, quan điểm của hai Bên không thống nhất về các vấn đề phát sinh trong công việc dịch

vụ làm ảnh hưởng đến Bên còn lại. Khi đó hai Bên phải bàn bạc và giải quyết theo hướng hai Bên cùng có lợi.

3. Các trường hợp chấm dứt Hợp đồng:

- a) Hợp đồng hết hiệu lực và các bên không gia hạn Hợp đồng;
- b) Hai Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn;
- c) Khi có một Bên chấm dứt hoạt động hoặc tuyên bố phá sản, giải thể. Trong trường hợp này Hợp đồng sẽ kết thúc bằng cách thức do các bên thỏa thuận và/hoặc phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành;
- d) Sau khi các bên hoàn thành tất cả nghĩa vụ theo Hợp đồng và ký Biên bản thanh lý Hợp đồng.

4. Thanh lý Hợp đồng

- a) Sau khi các Bên rà soát kiểm tra thực hiện việc thực hiện nghĩa vụ của mỗi Bên theo Hợp đồng đã hoàn thành, làm cơ sở cho việc thanh lý Hợp đồng;
- b) Trong vòng 30 (ba mươi) ngày làm việc sau khi các Bên đã hoàn thành tất cả nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, các bên phải ký Biên bản thanh lý Hợp đồng (Biên bản thanh lý Hợp đồng gồm 05 (năm) bản, Bên A giữ 04 (bốn) bản, Bên B giữ 01 (một) bản).

ĐIỀU 10. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 1. Các bên cam kết nghiêm túc thực hiện các điều khoản đã quy định trong Hợp đồng, trong quá trình thực hiện nếu có các vấn đề phát sinh thì cùng nhau thương lượng, giải quyết theo nguyên tắc các bên cùng có lợi.
- 2. Khi phát sinh tranh chấp từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này thì một trong các Bên có quyền khởi kiện tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền để yêu cầu giải quyết tranh chấp.

ĐIỀU 11. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

- 1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- 2. Hợp đồng này gồm [...] (*bằng chữ*) trang, được lập thành [...] (*bằng chữ*) bản, có nội dung và giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ [...] (*bằng chữ*) bản, Bên B giữ [...] (*bằng chữ*) bản để theo dõi và thực hiện./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B